

Bản án số: 56/2018/KDTM-ST

Ngày: 29/11/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa và thi công công trình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Đặng Công Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Sang
2. Bà Phan Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 9 tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2017/TLST-KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và thi công công trình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2018/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2018/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH A (gọi tắt Công ty A)

Trụ sở: đường Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Công D – chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Minh E (Giấy ủy quyền ngày 07/9/2017)

Bị đơn: Công ty TNHH Xây lắp Điện cơ B (gọi tắt Công ty B)

Trụ sở: đường D1, Khu phố 6, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Ngọc F- chức danh: Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Công ty A là ông Lê Minh E trình bày:

Ngày 30/7/2014, Công ty A và Công ty Cơ B ký kết Hợp đồng kinh tế số: 08/2014/HĐKT/ROOCO-PHT thi công gói thầu lắp đặt gồm 06 điều hoà không khí và thông gió của dự án Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Cần Thơ tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Giá trị hợp đồng là: 4.722.256.880 đồng (Bốn tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi đồng), giá trị thực tế nghiệm thu là: 5.559.846.930 đồng (Năm tỷ năm trăm năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi đồng). Tính đến ngày 17/11/2015 bên Công ty B đã thanh toán cho nguyên đơn 13 lần với tổng số tiền là: 4.694.451.376 đồng. Hiện nay, Công ty B còn nợ lại Công ty A là: 865.395.554 VNĐ (Tám trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng).

Ngày 22/12/2014, Công ty A và Công ty B ký tiếp Hợp đồng kinh tế số 2212/PHT-TP, về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống điều hoà không khí và thông gió của dự án Bệnh viện lao phổi Cần Thơ tại Thành phố Cần Thơ. Giá trị hợp đồng này là: 694.033.164 đồng (Sáu trăm chín mươi bốn triệu không trăm ba mươi ba nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng), giá trị thực tế nghiệm thu là 665.766.761 đồng, tính đến ngày 16/11/2015 bên Công ty B đã thanh toán cho Công ty TNHH A 01 lần với tổng số tiền là: 208.209.949 đồng. Công ty B còn nợ lại Công ty A là 457.556.812 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm mười hai đồng).

Tổng số tiền hiện nay Công ty B còn nợ lại Công ty A là: 865.395.554 đồng + 457.556.812 đồng = 1.322.952.366 đồng (*Một tỷ ba trăm hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng*).

Công ty A đã nhiều lần yêu cầu phía Công ty B thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền còn nợ như đã cam kết, phía Công ty B không thực hiện việc trả nợ theo cam kết, dẫn đến Công ty A phải vay nợ Ngân hàng theo lãi suất cao để thanh toán cho các đối tác.

Do đó, Công ty A yêu cầu Công ty B phải thanh toán số tiền còn nợ là 1.322.952.366 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng) và số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 17/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/11/2018 với số tiền là 361.165.994 đồng

Bị đơn là Công ty TNHH Xây Lắp Điện Cơ B vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn cho rằng Công ty B phải thanh toán cho Công ty A số tiền còn nợ là: 1.322.952.366 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng) và số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản tính từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 17/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/11/2018 với số tiền là 361.165.994 đồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 có ý kiến: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 kiểm sát việc tuân theo pháp luật; từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định theo thẩm quyền. Cấp, tổng đạt văn bản, nộp tiền tạm ứng án phí, gửi Thông báo thụ lý đúng quy định. Quyết định xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, xét xử đúng thời gian, địa điểm, không có ai yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng tại phiên tòa. Người tham gia phiên tòa đúng, có năng lực hành vi, văn bản ủy quyền đúng quy định.

Về nội dung: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B phải trả số tiền còn nợ là 1.322.952.366 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản tính từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 17/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 361.165.994 đồng. Bị đơn có trụ sở chính tại đường D1, Khu phố 6, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và thi công công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Công ty B đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nF vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đối với Bệnh viện Nhi Đồng và Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh HH : Căn cứ vào Công văn số: 995/BVNĐ-HCQT ngày 04/10/2018 của Bệnh viện Nhi Đồng và Công văn số 1046/BVLBP-TCHC ngày 17/10/2018 của Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh HH trả lời cho Tòa án nhân dân Quận 9: Bệnh viện Nhi Đồng và Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh HH chỉ là đơn vị thụ hưởng không có liên quan gì đến vụ án, chủ đầu tư là Sở y tế Thành phố HH. Do đó không cần thiết phải đưa Bệnh viện Nhi Đồng và Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh HH vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đến vụ án.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tranh luận tại phiên tòa có cơ sở xác định:

Ngày 30/7/2014, Công ty A và Công ty B có ký Hợp đồng số 08/2014/HĐKT/ROOCO-PHT giao cho Công ty B thi công gói thầu 06 điều hoà không khí và thông gió của dự án Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Cần Thơ tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Giá trị hợp đồng là: 4.722.256.880 đồng (Bốn tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi đồng). Giá trị hợp đồng thay đổi trong trường hợp điều chỉnh bổ sung, điều chỉnh khối lượng nếu khối lượng công việc phát sinh. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 300 ngày, phương thức thanh toán, sau 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng bên Công ty B sẽ tạm ứng cho Công ty A 20% giá trị hợp đồng và tiếp tục thanh toán 80% theo giá trị khối lượng công việc hoàn thành từng đợt sau khi nghiệm thu.

Ngày 22/12/2014, Công ty A và Công ty B có ký tiếp Hợp đồng 2212/PHT-TP với nội dung giao cho Công ty A cung cấp và lắp đặt hệ thống điều hoà không khí và thông gió của dự án Bệnh viện lao phổi Cần Thơ tại Thành phố Cần Thơ. Giá trị hợp đồng này là 694.033.164 đồng (Sáu trăm chín mươi bốn triệu không trăm ba mươi ba nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng). Giá trị hợp đồng thay đổi trong trường hợp điều chỉnh bổ sung, điều chỉnh khối lượng nếu khối lượng công việc phát sinh. Thời gian thực hiện hợp đồng theo tiến độ của nhà thầu chính ký với chủ đầu tư. Điều khoản thanh toán cũng sau 07 ngày kể từ ngày kết hợp đồng, Công ty B tạm ứng 30% giá trị hợp đồng và số tiền còn lại sẽ thanh toán theo khối lượng công việc hoàn thành sau khi nghiệm thu.

Theo lời khai của đại diện nguyên đơn, đối với Hợp đồng số 08/2014/HĐKT/ROOCO-PHT khi thực hiện hợp đồng thì có phát sinh về khối lượng công việc nên giá trị thực tế nghiệm thu thành tiền là 5.559.846.930 đồng, tính từ ngày 17/11/2015 bên Công ty B đã thanh toán cho nguyên đơn 13 lần với tổng số tiền là 4.694.451.376 đồng, còn nợ lại số tiền phải thanh toán là 865.395.554 đồng. Hợp đồng số 2212/PHT-TP giá trị thực tế nghiệm thu là 665.766.761 đồng, tính đến ngày 16/11/2015 bên Công ty B đã thanh toán cho Công ty A 01 lần với số tiền là 208.209.949 đồng, còn nợ số tiền 457.556.812 đồng. Tổng số tiền Công ty B còn nợ lại Công ty A là $865.395.554 + 457.556.812 = 1.322.952.366$ đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng).

Xét thấy, tại Khoản 2 điều 91 Bộ luật tố dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 9 đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn không đến, cũng không có văn bản

gửi cho toà án nêu ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn. Mặt khác, tại Công văn số 3815/SYT-QLDA ngày 22/11/2018 của Sở Y tế Thành phố HH trả lời cho Tòa án nhân dân Quận 9 thì gói thầu về việc cung cấp lắp ráp máy điều hoà không khí và thông gió của dự án Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Cần Thơ tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ đã đưa vào sử dụng từ ngày 21/4/2016. Từ khi đưa vào sử dụng đến nay các bên thi công đã thực hiện bảo hành theo như cam kết mà hợp đồng đã ký.

Do vậy, lời khai của đại diện nguyên đơn là có căn cứ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ của Hợp đồng số 08/2014/HĐKT/ROOCO-PHT ngày 30/7/2014 với số tiền 865.395.554 đồng và Hợp đồng 2212/PHT-TP 22/12/2014 với số tiền 457.556.812 đồng, tổng cộng 1.322.952.366 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện thanh toán trên số nợ gốc là 1.322.952.366 đồng tính từ ngày 17/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả*”. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 17/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là tự nguyện, có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Căn cứ Quyết định số 2619/QĐ-NHNN ngày 5/11/2010, mức lãi suất cơ bản của đồng Việt Nam là 9%/năm. Tiền lãi được tính như sau: 1.322.952.366 đồng x 9% năm/12 tháng x 36 tháng 12 ngày = 361.165.994 đồng.

Tổng cộng, Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền còn nợ cả gốc và lãi là 1.684.118.360 đồng (Một tỷ sáu trăm tám mươi bốn triệu một trăm mười tám ngàn ba trăm sáu mươi đồng).

[4] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Buộc Công ty TNHH Xây lắp Điện cơ B phải thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền 1.684.118.360 đồng (*Một tỷ sáu trăm tám mươi bốn triệu một trăm mười tám ngàn ba trăm sáu mươi đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Xây Lắp Điện Cơ B phải nộp án phí là 60.252.355 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.154.974 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0003379 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 9;
- VKSND Quận 9;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Hạnh

